

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 14 - 35 |
| 8. Phụ lục | 36 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 1855/QĐ.UB ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) được thành lập theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000479, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 360.000.000.000 VND

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại : (84-64) 3 838 324
- Fax : (84-64) 3 833 636

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại;
- Sản xuất các sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông;
- Mua bán vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch và hoạt động thể thao;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Duy tu bảo dưỡng đường bộ, trạm, vά, sửa chữa mặt đường, vỉa hè;
- Gia công cơ khí;
- Cung cấp phần mềm tin học quản lý hệ cấp nước, cài đặt hướng dẫn sử dụng và bảo hành;
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, vận hành nhà máy cấp nước;
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh theo quy định của Nhà nước.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|--|
| Ông Đinh Chí Đức | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Lương Điền | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Võ Văn Bình | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Bà Lê Minh Đức | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Tiến Lượng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Như Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |



Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|--|
| Ông Nguyễn Châu Trục | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Phan Khắc Vinh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Chiến Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------|
| Ông Đinh Chí Đức | Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Tiến Lạng | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Cảnh Tùng | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Lương Điền | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 01 năm 2013 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Chí Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RIA – VŨNG TÀU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Đinh Chí Đức
Chủ tịch

Ngày 19 tháng 02 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0078/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2016

04
ÔN
NH
TOÁN
A &
H-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 172.015.289.821 | 141.026.200.660 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 63.122.578.713 | 55.489.994.164 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.972.578.713 | 2.389.994.164 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 60.150.000.000 | 53.100.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 71.214.294.194 | 68.444.812.877 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 50.716.642.685 | 47.142.285.823 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.126.607.898 | 477.358.820 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 334.007.611 | 1.788.132.234 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (962.964.000) | (962.964.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 34.722.204.913 | 16.951.083.811 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 34.722.204.913 | 16.951.083.811 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.956.212.001 | 140.309.808 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 28.325.454 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.956.212.001 | 111.984.354 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 328.576.275.113 | 294.966.100.003 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 267.441.576.194 | 232.530.937.227 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 267.441.576.194 | 232.266.987.220 |
| - Nguyên giá | 222 | | 790.652.977.557 | 690.338.416.236 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (523.211.401.363) | (458.071.429.016) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | - | 263.950.007 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.913.734.819 | 1.913.734.819 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.913.734.819) | (1.649.784.812) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.651.940.035 | 3.952.403.892 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 2.651.940.035 | 3.952.403.892 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 40.482.758.884 | 40.482.758.884 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2 | 35.138.387.984 | 35.138.387.984 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2 | 5.344.370.900 | 5.344.370.900 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 500.591.564.934 | 435.992.300.663 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 132.615.080.824 | 95.307.908.555 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 125.852.658.390 | 88.230.954.845 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 20.933.622.088 | 9.349.877.324 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 6.800.891.248 | 883.387.989 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 13.555.192.890 | 15.605.519.656 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 33.060.235.192 | 27.295.460.928 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 8.057.992.700 | 9.496.391.745 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 30.583.843.244 | 12.162.790.632 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 2.830.781.509 | 2.516.250.233 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 10.030.099.519 | 10.921.276.338 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 6.762.422.434 | 7.076.953.710 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 6.762.422.434 | 7.076.953.710 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 367.976.484.110 | 340.684.392.108 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 367.976.484.110 | 340.684.392.108 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20 | 360.000.000.000 | 273.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 360.000.000.000 | 273.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.20 | 1.611.402.000 | 1.611.402.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20 | 6.031.447.436 | 17.144.946.824 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20 | 333.634.674 | 48.928.043.284 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 48.928.043.284 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 333.634.674 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 500.591.564.934 | 435.992.300.663 |

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2016


Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởngĐinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 438.948.446.957 | 380.728.680.326 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 438.948.446.957 | 380.728.680.326 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 250.679.142.076 | 229.115.921.899 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 188.269.304.881 | 151.612.758.427 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 7.411.881.849 | 12.797.636.063 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 38.501.430.138 | 34.494.661.836 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 32.284.824.491 | 22.143.348.857 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 124.894.932.101 | 107.772.383.797 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 1.121.334.749 | 1.082.424.382 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.213.729.189 | 909.917.374 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (92.394.440) | 172.507.008 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 124.802.537.661 | 107.944.890.805 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 26.694.194.129 | 22.062.550.336 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>98.108.343.532</u> | <u>85.882.340.469</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>2.316</u> | <u>2.028</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | <u>2.316</u> | <u>2.028</u> |

03/01/2016
CÁNH
CHẾ
M TÀI
P
BÌNH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 124.802.537.661 | 107.944.890.805 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | V.9, V.10, V.19 | | |
| | 02 | | 67.045.004.652 | 64.302.363.764 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | 962.964.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, VI.6 | (7.438.082.429) | (12.691.563.138) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 184.409.459.884 | 160.518.655.431 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (7.072.978.587) | (1.016.019.543) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (17.771.121.102) | (1.670.089.868) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 22.772.989.444 | 16.560.883.532 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 28.325.454 | 64.194.545 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (29.365.984.485) | (24.671.029.271) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (15.141.097.477) | (15.291.048.241) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 137.859.593.131 | 134.495.546.585 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.11 | (101.121.510.634) | (65.792.286.458) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.6 | 127.907.726 | 38.181.818 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (13.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3, V.6 | 8.769.444.326 | 11.206.533.568 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (92.224.158.582) | (67.547.571.072) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|--------------------------------|--------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20, V.17 | (38.002.850.000) | (63.306.100.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>(38.002.850.000)</i></u> | <u><i>(63.306.100.000)</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 7.632.584.549 | 3.641.875.513 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 55.489.994.164 | 51.848.118.651 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | <u>63.122.578.713</u> | <u>55.489.994.164</u> |

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2016



Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

15-C
TY
ĐU HA
TƯ V
C
Đ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ và thương mại; xây dựng công trình cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 262 Lê Lợi, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Sản xuất nước sạch | 28,44% | 28,44% | 28,44% |
| Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC | Khu công nghiệp đô thị Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Dịch vụ du lịch | 35% | 35% | 35% |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ⁽¹⁾ | Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Sản xuất nước sạch | 11,74% | 11,74% | 11,74% |

⁽¹⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ít hơn 20% nhưng Công ty có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức. Do vậy khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----------------------------|--|
| Xí nghiệp xây lắp | Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. |
| Xí nghiệp cấp nước Vũng Tàu | Số 359 đường Nguyễn An Ninh, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 432 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 430 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02 - 03 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty có các chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 03 năm.

115
TY
HUU-
TU
C
100

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 517.869.127 | 200.507.130 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.454.709.586 | 2.189.487.034 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 60.150.000.000 | 53.100.000.000 |
| Cộng | <u>63.122.578.713</u> | <u>55.489.994.164</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Đầu tư vào công ty liên kết</i> | <i>35.138.387.984</i> | - | <i>35.138.387.984</i> | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ⁽ⁱ⁾ | 18.688.387.984 | - | 18.688.387.984 | - |
| Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.800.000.000 | - | 2.800.000.000 | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 13.650.000.000 | - | 13.650.000.000 | - |
| | 5.344.370.900 | - | 5.344.370.900 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu ^(iv) | 5.344.370.900 | - | 5.344.370.900 | - |
| Cộng | 40.482.758.884 | - | 40.482.758.884 | - |

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 18.688.387.984 VND tương đương 3.327.220 cổ phiếu, chiếm 28,44% vốn điều lệ. Trong năm Công ty được chia 1.222.824 cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 28,44% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số lượng cổ phiếu sở hữu là 4.550.044 cổ phiếu.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500672245 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 07 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC 2.800.000.000 VND, tương đương 280.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức 13.650.000.000 VND tương đương 1.350.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,74% vốn điều lệ.
- (iv) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ môi trường và công trình đô thị Vũng Tàu 5.344.370.900 VND tương đương 515.803 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 9,55% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|----------------|
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | | |
| Cung cấp nước | 7.741.458.400 | 5.628.019.700 |
| Cổ tức phải trả | 3.085.401.600 | 2.310.000.000 |
| Cổ tức được chia | 3.327.220.000 | 3.327.220.000 |
| Chi phí xét nghiệm nước | 97.108.000 | 87.530.909 |
| Mua vật tư | 43.648.000 | - |
| Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC | | |
| Cổ tức được chia | 105.000.000 | 140.000.000 |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức | | |
| Cho vay dài hạn | - | 13.000.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ vận hành | 2.077.108.000 | 1.980.000.000 |
| Lãi tiền cho vay | 1.949.716.668 | 2.149.263.889 |
| Cổ tức được chia | - | 1.080.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 415.773.540 | 328.365.030 |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức | - | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 415.773.540 | 328.365.030 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 50.300.869.145 | 46.813.920.793 |
| Phải thu khách hàng cung cấp nước | 46.090.246.471 | 41.109.451.333 |
| Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt | 4.210.622.674 | 5.648.377.435 |
| Phải thu khác | - | 56.092.025 |
| Cộng | 50.716.642.685 | 47.142.285.823 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|--------------------|
| Công ty cổ phần nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn | 234.510.375 | - |
| Công ty TNHH may thuê giày An Phước | 230.000.000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư thương mại quốc tế CPT | 400.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | - | 72.000.000 |
| Công ty TNHH Thịnh Việt | - | 117.370.000 |
| Công ty TNHH ô tô Ngôi Sao Việt Nam | - | 50.000.000 |
| Công ty TNHH Vũng Tàu Trường Hải | - | 100.000.000 |
| Đoàn tài nguyên nước Nam Tây Nguyên | 77.840.907 | 91.556.500 |
| Các nhà cung cấp khác | 184.256.616 | 46.432.320 |
| Cộng | 1.126.607.898 | 477.358.820 |

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay dài hạn đến hạn phải thu.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức (là bên liên quan) vay với thời hạn cho vay là 36 tháng (đã được gia hạn thời gian trả nợ thêm 01 năm), lãi suất 7%/năm trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và bằng lãi suất tiết kiệm 3 tháng trả sau cộng lãi suất biên từ tháng thứ 7 trở đi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế.

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | 1.080.000.000 | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức - Cổ tức được chia | - | - | 1.080.000.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 334.007.611 | - | 708.132.234 | - |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | - | - | 412.642.400 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|--------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 321.298.611 | - | 287.925.834 | - |
| Tạm ứng | 1.275.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 11.434.000 | - | 7.564.000 | - |
| Cộng | 334.007.611 | - | 1.788.132.234 | - |

7. Nợ xấu

Công ty có khoản phải thu Công ty TNHH Khang Linh về tiền xây lắp với số tiền là 962.964.000 VND đã quá hạn trên 3 năm. Giá trị có thể thu hồi được của khoản nợ này là 0 VND.

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 15.158.454.780 | - | 14.797.903.303 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 20.395.221 | - | 27.876.000 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 19.543.354.912 | - | 2.125.304.508 | - |
| Cộng | 34.722.204.913 | - | 16.951.083.811 | - |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 169.075.478.484 | 80.108.192.200 | 437.304.196.879 | 3.850.548.673 | 690.338.416.236 |
| Mua sắm mới | - | 3.572.716.874 | 6.937.438.182 | 900.056.000 | 11.410.211.056 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.028.922.295 | 2.202.599.019 | 86.780.242.121 | - | 91.011.763.435 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (2.107.413.170) | - | (2.107.413.170) |
| Số cuối năm | 171.104.400.779 | 85.883.508.093 | 528.914.464.012 | 4.750.604.673 | 790.652.977.557 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 29.262.366.033 | 53.642.581.518 | 147.308.270.557 | 3.540.105.947 | 233.753.324.055 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 79.547.759.941 | 58.316.418.693 | 316.945.520.853 | 3.261.729.529 | 458.071.429.016 |
| Khấu hao trong năm | 13.415.126.554 | 13.519.084.244 | 39.381.796.293 | 931.378.426 | 67.247.385.517 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (2.107.413.170) | - | (2.107.413.170) |
| Số cuối năm | 92.962.886.495 | 71.835.502.937 | 354.219.903.976 | 4.193.107.955 | 523.211.401.363 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 89.527.718.543 | 21.791.773.507 | 120.358.676.026 | 588.819.144 | 232.266.987.220 |
| Số cuối năm | 78.141.514.284 | 14.048.005.156 | 174.694.560.036 | 557.496.718 | 267.441.576.194 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

| | Phần mềm máy vi tính | Phần mềm quản lý hồ sơ | Phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước | Cộng |
|--|-------------------------|---------------------------|---|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 1.265.734.819 | 148.000.000 | 500.000.000 | 1.913.734.819 |
| Số cuối năm | 1.265.734.819 | 148.000.000 | 500.000.000 | 1.913.734.819 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.265.734.819 | 148.000.000 | 500.000.000 | 1.913.734.819 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 1.230.951.482 | 148.000.000 | 270.833.330 | 1.649.784.812 |
| Khấu hao trong năm | 34.783.337 | - | 229.166.670 | 263.950.007 |
| Số cuối năm | 1.265.734.819 | 148.000.000 | 500.000.000 | 1.913.734.819 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 34.783.337 | - | 229.166.670 | 263.950.007 |
| Số cuối năm | - | - | - | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|----------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 11.410.211.056 | (11.410.211.056) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 3.952.403.892 | 89.711.299.578 | (91.011.763.435) | - | 2.651.940.035 |
| <i>Công trình mái che sân tenis</i> | <i>927.500.000</i> | <i>397.500.000</i> | <i>(1.325.000.000)</i> | - | - |
| <i>Công trình tuyến nước thô D 1000</i> | <i>2.919.962.522</i> | <i>69.431.356.272</i> | <i>(71.818.511.482)</i> | - | <i>532.807.312</i> |
| <i>Công trình tuyến HDPE D225 đường Hạ Long</i> | - | <i>980.573.519</i> | - | - | <i>980.573.519</i> |
| <i>Công trình lắp đặt tủ điện scada nhà clor nhà máy Hồ Đá Đen.</i> | - | <i>348.492.261</i> | - | - | <i>348.492.261</i> |
| <i>Công trình tuyến ống nước thô HDPE D110 QL55</i> | - | <i>279.280.581</i> | - | - | <i>279.280.581</i> |
| <i>Các công trình khác</i> | <i>104.941.370</i> | <i>18.274.096.945</i> | <i>(17.868.251.953)</i> | - | <i>510.786.362</i> |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 4.006.506.978 | - | (4.006.506.978) | - |
| Cộng | 3.952.403.892 | 105.128.017.612 | (102.421.974.491) | (4.006.506.978) | 2.651.940.035 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần nhựa Bình Minh | 6.712.012.780 | 5.005.932.802 |
| Doanh nghiệp tư nhân Sơn Thù | 2.533.634.400 | 1.265.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 11.687.974.908 | 3.078.944.522 |
| Cộng | 20.933.622.088 | 9.349.877.324 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | 3.350.000.000 | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | 3.350.000.000 | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 3.450.891.248 | 883.387.989 |
| Ban quản lý dự án giao thông I | 3.045.000.000 | - |
| Công ty TNHH xây dựng Đông Nam | - | 249.000.000 |
| Ban quản lý dự án hạ tầng TP. Vũng Tàu | - | 218.500.989 |
| Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đầu tư Bà Rịa - Vũng Tàu | - | 385.887.000 |
| Các khách hàng khác | 405.891.248 | 30.000.000 |
| Cộng | <u>6.800.891.248</u> | <u>883.387.989</u> |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 374.670.976 | 5.537.910.569 | (5.294.923.960) | 617.657.585 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.771.460.788 | 26.694.194.129 | (29.365.984.485) | 10.099.670.432 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 308.469.567 | 3.023.420.624 | (2.906.541.864) | 425.348.327 |
| Thuế tài nguyên | 78.894.956 | 858.872.750 | (910.557.112) | 27.210.594 |
| Tiền thuê đất | 40.798.572 | 48.905.237 | (89.703.809) | - |
| Các loại thuế khác | - | 8.000.000 | (8.000.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2.031.224.797 | 27.313.170.770 | (26.959.089.615) | 2.385.305.952 |
| Cộng | <u>15.605.519.656</u> | <u>63.484.474.079</u> | <u>(65.534.800.845)</u> | <u>13.555.192.890</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---------------------|-----|
| - Cung cấp nước | 05% |
| - Thi công, lắp đặt | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 124.802.537.661 | 107.944.890.805 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 276.410.180 | 65.012.500 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 125.078.947.841 | 108.009.903.305 |
| Thu nhập được miễn thuế | (3.741.701.800) | (7.725.583.600) |
| Tổng thu nhập tính thuế | 121.337.246.041 | 100.284.319.705 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>26.694.194.129</u> | <u>22.062.550.336</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất với các mức thuế suất như sau:

- | | |
|--|-----|
| - Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác | 01% |
| - Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất | 03% |

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

- Mức phí nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND-VP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xây dựng dựa trên đơn giá tiền lương 1.500 VND/m³ nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 04-2014/BBH-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2014 áp dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 áp dụng đơn giá tiền lương 1.600 VND/m³ nước thương phẩm theo quyết định của Hội đồng quản trị số 03-2015/BBH-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2015.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nước thô phải trả | 8.025.942.600 | 6.950.662.200 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 32.050.100 | 2.545.729.545 |
| Cộng | 8.057.992.700 | 9.496.391.745 |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.583.901.600 | - |
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Cổ tức phải trả | 1.583.901.600 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 28.999.941.644 | 12.162.790.632 |
| Kinh phí công đoàn | 363.800 | 34.032.000 |

15-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
0 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 27.216.098.400 | 10.702.850.000 |
| Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được giữ lại (10% giữ lại) | 1.783.479.444 | 1.425.908.632 |
| Cộng | <u>30.583.843.244</u> | <u>12.162.790.632</u> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

Số dư nợ vay là khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.18b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.516.250.233 | 2.201.718.957 |
| Số kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả trong năm | 314.531.276 | 314.531.276 |
| Số cuối năm | <u>2.830.781.509</u> | <u>2.516.250.233</u> |

18b. Vay dài hạn

Khoản vay không có thế chấp Ngân hàng phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam) 9.593.203.943 VND để thực hiện thanh toán phí tư vấn trong nước của dự án Hệ thống cấp nước Hồ Đá Đen giai đoạn I. Khoản vay này là một phần trong thỏa thuận vay giữa Quỹ hợp tác kinh tế hải ngoại Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được ký kết ngày 30 tháng 3 năm 1998 cho Dự án cấp nước miền Nam Việt Nam (thuộc tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu). Theo thỏa thuận này, thời gian hoàn vốn vay là 30 năm kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2008, mỗi năm trả làm 2 đợt vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9. Hiện nay, Công ty không nhận được thông báo lịch thu nợ cụ thể cũng như thông báo số dư nợ từ Ngân hàng phát triển Việt Nam cũng như từ Bộ Tài chính.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.830.781.509 | 2.516.250.233 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 1.258.125.104 | 1.258.125.104 |
| Trên 05 năm | 5.504.297.330 | 5.818.828.606 |
| Tổng nợ | <u>9.593.203.943</u> | <u>9.593.203.943</u> |

Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 7.076.953.710 | 7.391.484.986 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (314.531.276) | (314.531.276) |
| Số cuối năm | <u>6.762.422.434</u> | <u>7.076.953.710</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng/giảm () chuyển nguồn tài sản cố định từ quỹ phúc lợi | Chi quỹ trong năm | Giảm do khấu hao | Số cuối năm |
|--|-----------------------|--------------------------------|--|-------------------------|----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6.382.074.600 | 14.716.251.530 | 4.072.870.866 | (15.141.097.477) | - | 10.030.099.519 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | 4.539.201.738 | - | (4.072.870.866) | - | (466.330.872) | - |
| Cộng | 10.921.276.338 | 14.716.251.530 | - | (15.141.097.477) | (466.330.872) | 10.030.099.519 |

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | 182.693.870.000 | 138.551.400.000 |
| Các cổ đông khác | 177.306.130.000 | 134.448.600.000 |
| Cộng | 360.000.000.000 | 273.000.000.000 |

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 31,86% (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 31 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành thêm cho Công đoàn của Công ty 2.200 cổ phiếu cùng cổ phiếu lẻ xử lý để tăng vốn điều lệ Công ty từ 273 tỷ VND lên 360 tỷ VND. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 87 tỷ VND, giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 70 tỷ VND và giảm quỹ đầu tư phát triển 17 tỷ VND. Ngày 15 tháng 10 năm 2015 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 360 tỷ VND.

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.000.000 | 27.300.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 36.000.000 | 27.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.000.000 | 27.300.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.000.000 | 27.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.000.000 | 27.300.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2015, Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

| | VND |
|---|-----------------------|
| • Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (06% lợi nhuận sau thuế) ^(*) | 5.152.940.428 |
| • Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế) ^(*) | 12.882.351.071 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông (20% mệnh giá) | 48.300.000.000 |
| <i>Trong năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2014</i> | <i>21.000.000.000</i> |

^(*) Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích lập trong năm 2014.

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2015 và tạm trích các quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01-2016/BBH-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 như sau:

| | VND |
|---|----------------|
| • Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông năm 2015 (08% mệnh giá) | 28.800.000.000 |
| • Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (06% lợi nhuận sau thuế năm 2015) | 5.886.500.612 |
| • Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế năm 2015) | 14.716.251.530 |

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Công ty có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản nợ phải thu tiền lắp đặt của Trung tâm thương mại Châu Đức với số tiền 130.708.100 VND đã được xóa sổ do Trung tâm này đã giải thể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp nước thành phẩm | 425.735.053.274 | 372.891.628.475 |
| Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt | 11.136.285.683 | 5.650.943.575 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.077.108.000 | 2.186.108.276 |
| Cộng | 438.948.446.957 | 380.728.680.326 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 240.216.747.392 | 222.700.409.366 |
| Giá vốn của lắp đặt | 9.755.539.838 | 5.024.584.458 |
| Giá vốn của cung cấp dịch vụ | 706.854.846 | 1.390.928.075 |
| Cộng | 250.679.142.076 | 229.115.921.899 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.618.756.235 | 2.821.732.817 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 101.707.146 | 101.055.757 |
| Lãi tiền cho vay | 1.949.716.668 | 2.149.263.889 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.741.701.800 | 7.725.583.600 |
| Cộng | <u>7.411.881.849</u> | <u>12.797.636.063</u> |

4. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | - | 24.000.000 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 12.073.440.530 | 11.848.996.039 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 52.771.435 | 18.070.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 623.816.202 |
| Chi phí bảo hành | 15.788.834.490 | 11.633.107.694 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.877.062.514 | 9.852.507.934 |
| Các chi phí khác | 709.321.169 | 494.163.967 |
| Cộng | <u>38.501.430.138</u> | <u>34.494.661.836</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 9.348.660.142 | 4.798.171.858 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 2.040.299.734 | 1.461.237.272 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.992.930.466 | 1.938.832.451 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.111.050.208 | 2.266.847.242 |
| Thuế, phí và lệ phí | 424.009.067 | 249.252.116 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 962.964.000 |
| Chi phí tiếp khách | 4.038.080.938 | 2.914.080.038 |
| Các chi phí khác | 10.329.793.936 | 7.551.963.880 |
| Cộng | <u>32.284.824.491</u> | <u>22.143.348.857</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 127.907.726 | - |
| Thu nhập do chuyển nhượng vật tư | 341.868.541 | 256.044.963 |
| Thu tiền điện | 651.558.480 | 738.668.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 2 | 87.711.419 |
| Cộng | <u>1.121.334.749</u> | <u>1.082.424.382</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 5.017.168 |
| Giá vốn vật tư chuyển nhượng | 439.553.862 | 166.232.206 |
| Giá vốn tiền điện | 651.558.480 | 738.668.000 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 122.601.847 | - |
| Chi phí khác | 15.000 | - |
| Cộng | <u>1.213.729.189</u> | <u>909.917.374</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 98.108.343.532 | 85.882.340.469 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (14.716.251.530) | (12.882.351.071) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 83.392.092.002 | 72.999.989.398 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 2.316 | 2.028 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 27.300.000 | 21.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển | - | 6.300.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm nay từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển | 8.700.000 | 8.700.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 36.000.000 | 36.000.000 |

8b. Thông tin khác

Ngày 30 tháng 9 năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.146 VND xuống còn 2.028 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 117.973.680.990 | 89.943.700.357 |
| Chi phí nhân công | 102.863.670.354 | 90.222.365.225 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 67.045.004.652 | 64.302.363.764 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.794.756.700 | 17.154.779.761 |
| Chi phí khác | 29.499.479.567 | 24.781.607.766 |
| Cộng | 338.176.592.263 | 286.404.816.873 |

115.
TY
HUU
A TU
C
100

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 2.994.386.000 | 2.872.722.000 |
| Tiền thưởng | 2.571.759.000 | 2.192.208.000 |
| Cộng | <u>5.566.145.000</u> | <u>5.064.930.000</u> |

1b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần thể thao du lịch OSC | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2.

Giá nước, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 96,99% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

| | Mã số | Số liệu trước trình bày lại | Trình bày lại | Số liệu sau khi trình bày lại |
|--------------------------------------|-------|--------------------------------|------------------|----------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp | | | | |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | - | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | | 20.000.000.000 | (20.000.000.000) | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | - | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | - | 5.344.370.900 | 5.344.370.900 |
| Đầu tư dài hạn khác | | 23.344.370.900 | (23.344.370.900) | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 4.572.473.412 | 12.572.473.412 | 17.144.946.824 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 12.572.473.412 | (12.572.473.412) | - |

Bảng cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

| | | | | |
|----------------------------|----|---------------|--------------|---------------|
| Thu nhập khác | 31 | 1.120.606.200 | (38.181.818) | 1.082.424.382 |
| Chi phí khác | 32 | 948.099.192 | (38.181.818) | 909.917.374 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 3.146 | (1.118) | 2.028 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | - | 2.028 | 2.028 |

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Biên bản kiểm phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 08 tháng 01 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã thống nhất phát hành thêm 9.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:25, thời điểm phát hành trong năm 2016; đồng thời phát hành 1.200.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên Công ty, thời điểm phát hành trong quý I năm 2016.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng



Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 14 đường 30 tháng 4, phường 9, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 210.000.000.000 | 1.611.402.000 | 19.992.006.396 | 78.080.994.314 | 309.684.402.710 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển | 63.000.000.000 | - | (8.000.000.000) | (55.000.000.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 85.882.340.469 | 85.882.340.469 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | 5.152.940.428 | (18.035.291.499) | (12.882.351.071) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | (42.000.000.000) | (42.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 273.000.000.000 | 1.611.402.000 | 17.144.946.824 | 48.928.043.284 | 340.684.392.108 |
| Số dư đầu năm nay | 273.000.000.000 | 1.611.402.000 | 17.144.946.824 | 48.928.043.284 | 340.684.392.108 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển | 87.000.000.000 | - | (17.000.000.000) | (70.000.000.000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 98.108.343.532 | 98.108.343.532 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 5.886.500.612 | (20.602.752.142) | (14.716.251.530) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (56.100.000.000) | (56.100.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 360.000.000.000 | 1.611.402.000 | 6.031.447.436 | 333.634.674 | 367.976.484.110 |



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Đinh Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Quốc Huy
Kế toán trưởng

Đinh Chí Đức
Tổng Giám đốc

